

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS GIA THUY



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2021 – 2022

KHỐI 6

Hà Nội, tháng 2 năm 2022

LỊCH KIỂM TRA GIỮA KỲ II KHỐI 6, 7, 8, 9
NĂM HỌC 2021 – 2022

(Kèm theo KH số:ngày 24 tháng 02 năm 2022)

Thực hiện trong 03 tuần: Tuần 25 (đợt 1), tuần 26 (đợt 2), tuần 27 (đợt 3)

Lịch kiểm tra tuần 25 (Từ ngày 07 tháng 3 đến ngày 12 tháng 3 năm 2022).

Tuần 26, 27 lịch tương tự

Tuần	Thứ/ ngày	Môn	Khối	Tiết	TG làm bài	Phần mềm sử dụng	Ghi chú
25	Hai	Công nghệ	6,7,8	2	45 phút	- Azota - Google Forms (Với kiểm tra trực tuyến)	Môn: - Thẻ đục khối 7,8,9, - Mỹ thuật khối 7,8 - Âm nhạc khối 7,8,9 - HĐTNHN 6, - GDĐP - Nghệ thuật 6, - Giáo dục thể chất 6 - Công nghệ 9 - Nghề Tin 8 Giáo viên dạy sắp xếp kiểm tra theo TKB tuần 25,26,27; GV lưu mình chứng kiểm tra phù hợp với đặc trưng bộ môn. Ngoại ngữ 2: kiểm tra vào tuần 27
		GDCD	6,7,8,9	3	45 phút		
		Tin	6,7	4	45 phút		
	Ba	Lịch sử	7,8,9	2	45 phút		
		LS&ĐL	6	1,2	60 phút		
		Toán	6,7	3,4	90 phút		
	Tư	Văn	6,7	1,2	90 phút		
		Địa lý	7,8,9	4	45 phút		
	Năm	Anh	6	3,4	60 phút		
			7,8,9	3	45 phút		
		Sinh	7,8,9	4	45 phút		
	Sáu	Hóa	8,9	2	45 phút		
		KHTN	6	3,4	90 phút		
		Lý	7,8,9	4	45 phút		
	Bảy	Văn	8,9	1,2	90 phút		
		Toán	8,9	3,4	90 phút		

Khung giờ tổ chức kiểm tra trực tuyến:

- Những môn thi tiết 1,2: + 7h15 GV coi kiểm tra nhận đề từ bộ phận CNTT + 7h25 HS nhận đề KT + 7h30 HS làm bài + 8h15 thu bài (thời gian làm bài 45 phút) + 9h00 thu bài (thời gian làm bài 90 phút)	- Những môn thi tiết 1,2: + 7h15 GV coi kiểm tra nhận đề từ bộ phận CNTT + 7h25 HS nhận đề KT + 7h30 HS làm bài + 8h30 thu bài (thời gian làm bài 60 phút)
- Những môn thi tiết 2: (thời gian làm bài 45 phút) + 8h15 GV coi kiểm tra nhận đề từ bộ phận CNTT + 8h20 HS nhận đề KT + 8h25 HS làm bài + 9h10 thu bài	- Những môn thi tiết 3: (thời gian làm bài 45 phút) + 9h15 GV coi kiểm tra nhận đề từ bộ phận CNTT + 9h20 HS nhận đề KT + 10h5 HS nộp bài
- Những môn thi tiết 3, 4: (thời gian làm bài 60 phút) + 9h15 GV coi kiểm tra nhận đề từ bộ phận CNTT + 9h20 HS nhận đề KT + 10h20 HS nộp bài	- Những môn thi tiết 3, 4: (thời gian làm bài 90 phút) + 9h15 GV coi kiểm tra nhận đề từ bộ phận CNTT + 9h20 HS nhận đề KT + 10h50 HS nộp bài

Mục lục

1. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN NGỮ VĂN	1
2. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN TIẾNG ANH	4
3. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN KHTN.....	10
4. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN GDĐP	13
5. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN TOÁN.....	14
6. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ.....	26
7. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN HĐTNHN	30
8. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN GDTC	31
9. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN TIN HỌC.....	32
10. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN	34
11. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN NGHỆ THUẬT	37
12. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN CÔNG NGHỆ	39

MÔN NGỮ VĂN 6**A. YÊU CẦU**

1. Học sinh nắm vững kiến thức cơ bản của phần Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn.
2. Biết vận dụng kiến thức đã học vào việc cảm thụ và tạo lập văn bản.
3. Có kỹ năng trả lời câu hỏi mạch lạc, hợp lí.
4. Có kỹ năng viết bài văn tự sự.

B. NỘI DUNG**I. Phần văn bản:****1. Truyện dân gian**

- Truyền thuyết

- Cổ tích

2. Văn bản thông tin*** Yêu cầu chung:**

- Nêu được khái niệm, một số yếu tố của thể loại
- Cảm thụ một chi tiết hay, đặc sắc.

II. Phần Tiếng Việt:

1. Nghĩa của từ, từ ghép, từ láy.

2. Dấu câu

2. Biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ

3. Các cụm từ: DT, ĐT, TT.

*** Yêu cầu chung:**

- Biết các cách giải thích nghĩa của từ
- Nắm được đặc điểm từ ghép, từ láy
- Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ.

III. Phần Tập làm văn:

Văn tự sự

*** Yêu cầu chung:**

- Nắm được dạng bài và có kỹ năng làm bài.
- Vận dụng các kỹ năng để viết đoạn văn, bài văn

C. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP THAM KHẢO**DẠNG 1.**

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. Hai ông bà ao ước có một đứa con. Một hôm bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, liền đặt bàn chân mình lên ướm thử để xem kém thua bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà thụ thai và mười hai tháng sau sinh một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô. Hai vợ chồng mừng lắm. Nhưng lạ thay! Đứa trẻ cho đến khi lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy...”

(SGK Ngữ văn 6 – tập 2)

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Văn bản đó thuộc thể loại nào của truyện dân gian? Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn.

Câu 2: Xét theo cấu tạo các từ in đậm trong câu sau thuộc từ loại nào?

“Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão **chăm chỉ** làm ăn và có tiếng là **phúc đức**.”

Câu 3: Đoạn văn trên kể về sự việc gì?

Câu 4: Hãy cho biết từ “xuân” trong câu thơ sau, từ nào được dùng theo nghĩa gốc? Từ nào được dùng theo nghĩa chuyển? Giải thích nghĩa của từ “xuân” trong các câu đó.

Mùa xuân (1) là tết trồng cây
Làm cho đất nước càng ngày càng xuân(2)
(Hồ Chí Minh)

Câu 5: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 3 đến 5 câu) trình bày cảm nhận của em về cái vươn vai thần kì của thánh Gióng.

Bài 2. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Đền Cuông gắn với một huyền thoại trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Đền thờ Thục An Dương Vương - một vị vua có công lớn trong buổi đầu dựng nước. Lễ hội đền Cuông được tổ chức vào dịp rằm tháng Hai âm lịch hằng năm thu hút đông đảo người dân về dự. Sau nhiều năm bị lãng quên, năm 1993, lễ hội đền Cuông được phục hồi. Từ đó đến nay, lễ hội được duy trì hàng năm và trở thành một sinh hoạt văn hoá tâm linh không thể thiếu của người dân Nghệ An và du khách thập phương.

[...] Gần 20 năm qua, lễ hội đền Cuông được tổ chức hằng năm với các lễ nghi trang trọng mà linh thiêng: lễ khởi quang, lễ cáo trung thiên, lễ yết, lễ rước, lễ đại tế và lễ tạ. Lễ khai quang diễn ra đầu tiên, được tổ chức vào ngày 12 tháng Hai âm lịch để xin phép các vị thần cho nhân dân dọn dẹp đền, chuẩn bị cho lễ hội. Sau lễ khai quang là lễ cáo trung thiên được tổ chức vào sáng ngày 14 tháng Hai để báo cáo với các vị thần rằng công việc dọn dẹp đền đã hoàn thành, mời các vị về đền tham dự lễ hội và chứng giám cho lòng thành kính của nhân dân. Lễ yết diễn ra vào chiều tối ngày 14 tháng Hai gồm 6 bước được tiến hành qua 35 lần xướng. Sau phần hành lễ là phần dâng hương của đại diện các ban ngành và người dân về dự lễ. Cũng trong tối 14 tháng Hai, còn có lễ rước vua và công chúa vị hành. Sáng 15 tháng Hai tiến hành lễ rước vua, công chúa và tướng Cao Lỗ từ đình Xuân Ái về đền Cuông. Sau đó là lễ đại tế. Lễ đại tế là lễ chính, bao gồm 8 bước. Trình tự và nội dung của buổi lễ tương tự như lễ yết, nhưng có thêm hai lần dâng hương, rượu. Lễ tế được tổ chức vào sáng ngày 16 tháng Hai để tạ ơn các vị thần đã về dự lễ. Trong thời gian lễ hội, ban ngày có các trò chơi truyền thống, thi đấu thể thao như đánh đu, chọi gà, kéo co, cờ người, biểu diễn võ cổ truyền, thi đấu bóng chuyền, hội trại,... ban đêm có hát ca trù, tuồng, chèo, đốt lửa trại,... Không khí lễ hội thật là hấp dẫn, tưng bừng, náo nhiệt.

(Theo Anh Tuấn, *Đền Cuông: truyền thuyết và lễ hội*, tạp chí điện tử Văn hoá Nghệ An, ngày 29/3/2012)

Câu 1: Văn bản có đoạn trích ở trên thuộc loại văn bản gì?

Câu 2: Sự kiện nào được thuật lại trong đoạn trích? Sự kiện đó diễn ra ở đâu, vào thời điểm nào trong năm?

Câu 3: Tác giả đã thuật lại sự kiện theo trình tự nào? Căn cứ vào đâu mà em xác định như vậy?

Bài 3. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Tự nhiên, một hôm có một đàn chim lớn bay từ phương tây lại, đậu đen ngòm cả một bãi cát. Rồi chúng bay đến trước mặt hai vợ chồng kêu vẳng cả lên, thả xuống năm sáu hạt. Ít lâu sau từ những hạt ấy mọc ra một loại cây dây bò lan xanh um cả bãi, có rất nhiều quả xanh mướt, to bằng đầu người. Mai trẩy một quả, bỏ ra thấy ruột đỏ hồng, hạt đen nhánh. Vợ chồng con cái cùng nếm thấy vị giòn ngọt thanh thanh, Mai reo lên:

- Ôi đây là thứ dưa lạ, chưa từng thấy bao giờ. Hãy gọi nó là dưa tây, vì thứ dưa này được bầy chim đưa từ phương tây lại từ đất liền ra cho chúng ta. Trời nuôi sống chúng ta rồi

(Nguyễn Đồng Chi, Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, tập 1, NXB Khoa học xã hội, 1976, tr. 81)

Câu 1: Dựa vào sự tìm đọc và hiểu biết của em, hãy cho biết nhân vật Mai được nhắc tới trong đoạn trích có họ tên đầy đủ là gì?

Câu 2: Hãy chỉ ra những chi tiết có thể giúp ta hình dung được hoàn cảnh sống của các nhân vật. Hoàn cảnh đó có tính chất gì nổi bật?

Câu 3: Đoạn trích cho biết điều gì về đặc điểm của giống dưa hấu khiến các nhân vật trong truyện phải tò mò? Những miêu tả của người kể có phù hợp với điều em đã biết về thứ quả này hay không?

DẠNG 2. Viết bài văn

1. Kể lại truyện “Thánh Gióng” bằng lời văn của em
2. Kể lại truyện “Thạch Sanh” bằng lời văn của em
3. Kể một truyện truyền thuyết đã được học (được đọc) bằng lời văn của em.

----- HẾT -----

THE MIDTERM TEST CONTENT
GRADE 6

I. CONTENT:

1. Tenses: the present simple, the present continuous, the past simple

2. Structures:

- was/were

- Modal verb: (not) have to, must (not), should (not)

- Articles: a/an/the

3. Vocabulary related to the topics:

- A question of sport, The time machine, Talking to the world

4. Phonetics:

- Sounds: /aɪ /, /ɪ /, /t/, /d/, /id/, /tʃ /, /ʃ /

- Stress: 2-syllable nouns and verbs

II. EXERCISES

A. Pronunciation

I. Choose the word which has underlined part is pronounced differently

II. Choose the word which has the different stress pattern from the others.

B. Vocabulary and Grammar

I. Choose the best answer

II. Find out the mistake

C. Reading

Read the passage and choose the best answer

D. Writing

I. Choose the sentence which has the same meaning as the original sentence

II. Choose the correct sentence from the words/ phrases given

III. PRACTICE TEST

TEST:

A. Pronunciation

I. Choose the word which has underlined part is pronounced differently

Question 1	A. <u>f</u> inal	B. <u>f</u> it	C. <u>f</u> ine	D. <u>t</u> ime
Question 2	A. pass <u>e</u> d	B. stretch <u>e</u> d	C. compris <u>e</u> d	D. wash <u>e</u> d
Question 3	A. badm <u>i</u> nton	B. b <u>i</u> king	C. swim <u>i</u> ng	D. w <u>i</u> n
Question 4	A. Russ <u>i</u> a	B. class	C. glass	D. pass
Question 5	A. attit <u>u</u> de	B. pict <u>u</u> re	C. fortun <u>e</u>	D. cent <u>u</u> ry

II. Choose the word which has the different stress pattern from the others.

Question 1	A. agree	B. become	C. cartoon	D. coffee
Question 2	A. paper	B. picture	C. pencil	D. police
Question 3	A. before	B. belong	C. better	D. between

B. Vocabulary and Grammar

I. Choose the best answer

Question 1	My uncle Jim is a sports He watches sports on TV all day long.			
	A. fanatic	B. player	C. couch	D. star
Question 2	You can use socialto post photos, read friends' news and chat with friends.			
	A. networking site	B. network sites	C. website	D. wikipedia
Question 3	We for a walk after lunch.			
	A. play	B. go	C. run	D. see
Question 4	It's OK, you can go. You wait for me. I can come later			
	A. have to	B. mustn't	C. not must	D. don't have to
Question 5	Albert Eistein's of relativity is very important.			
	A. opinion	B. agree	C. theory	D. hobby
Question 6	My English is not very good. I need to learn a lot more words			
	A. grammar	B. new wordss	C. structure	D. vocabulary
Question 7	 keeps food and drinks cold			
	A. A fridge	B. A cooker	C. A kettle	D. A battery
Question 8	A: It rained every day when we were on holiday. B: Every day?			
	A. Seriously	B. Congratulation	C. Of course not	D. No, it isn't
Question 9	There is a new girl in our class.girl's brother is in Dan's class.			
	A. a	B. an	C. the	D. -
Question 10	A: Did he live in Scotland when he was young? B: Yes,			
	A. he was	B. he did	C. he does	D. he were

- Question 11 Basketball is a(n) sport.
A. racket B. individual C. water D. team
- Question 12 The of the UK is bigger now than 10 years ago. It's over 65 million
A. population B. money C. language D. flag
- Question 13 Youtouch that. It's hot!
A. have to B. mustn't C. not must D. don't have to
- Question 14 Do you want biscuit?
A. a B. an C. the D. some
- Question 15 The Nile is the longest in Africa.
A. mountains B. river C. oceans D. water

II. Find out the mistake

- Question 1 Jack is the best player in the team last month.
A. the best B. player C. is D. month
- Question 2 There weren't any milk in the fridge this morning, so no breakfast!
A. weren't B. any C. milk D. no
- Question 3
A. B. C. D.
- Question 4 John Blankenbaker invents the personal computer. The monitor was like a television and the keyboard was very, very big.
A. personal B. television C. invents D. big
computer
- Question 5 A: This is really difficult.
B: I think too.
A. is B. difficult C. think D. too
- Question 6 We learn for King Henry VIII at school today
A. learn B. for C. at D. today
- Question 7 You mustn't take the dog for a walk because Sue took him this afternoon.
A. mustn't B. take C. walk D. took

C. Reading

Read the passage and choose the best answer

Passage 1:

Hello! I'm Kate. I want to write (1)..... my mobile phone. I got it from my parents for my birthday two years (2)..... I like it very much and I think it's sometimes (3)..... to have it in my bag.

I always keep it in my bag or in my pockets (4)..... my parents and my friends can always (5)..... me. It's got a calculator in it so I sometimes use it (6)..... school. It's also a kind of information file. I can use (7)..... mobile phone to connect to the Internet and look through news or read emails on my computer. Isn't it (8).....?

Sometimes people are not (9)..... on mobile phones. They are real problem because they always ring at the wrong moment. I'm not crazy about my mobile phone (10)..... I feel safe when I have it with me.

- | | | | | |
|-------------|------------|---------------|---------|---------------|
| Question 1 | A. | B. about | C. | D. |
| Question 2 | A. ago | B. before | C. then | D. x |
| Question 3 | A. betters | B. well | C. good | D. best |
| Question 4 | A. but | B. so | C. or | D. because |
| Question 5 | A. call | B. visit | C. help | D. look |
| Question 6 | A. on | B. under | C. at | D. in |
| Question 7 | A. mine | B. me | C. my | D. I |
| Question 8 | A. curious | B. boring | C. bad | D. fantastics |
| Question 9 | A. like | B. interested | C. fond | D. keen |
| Question 10 | A. so | B. but | C. and | D. or |

Passage 2:

Benefits of playing sports

Firstly, playing sports can give you a (1)..... life and a fit body. You will be more active and healthier by (2) sports. To illustrate, you can have a lower chance (3) getting a serious illness such as a heart attack or high blood pressure.

In other words, it increases your resistance to illness. In leisure (4), you can play sports with your friends or your relatives, this not (5) helps you but also motivates everyone around you to take part in sports and have good health.

Moreover, you also need to allow and encourage children to play (6), especially some (7) activities such as football, basketball or volleyball to decrease the time that your children spend sitting in front of computers or (8) television. These sports can help them have endurance, quickness and even (9) them how to improve team spirit and work in groups. These sports also teach them how to communicate (10) their teammates, and show them how active and creative they are.

- | | | | | |
|------------|------------|------------|-------------|--------------|
| Question 1 | A. healthy | B. health | C. unhealth | D. unhealthy |
| Question 2 | A. going | B. playing | C. having | D. watching |
| Question 3 | A. in | B. with | C. of | D. to |

Question 4	A. hour	B. time	C. minute	D. day
Question 5	A. only	B. when	C. while	D. also
Question 6	A. sports	B. sport	C. sporty	D. sporting
Question 7	A. individual	B. indoor	C. outdoor	D. ball
Question 8	A. watch	B. watched	C. watches	D. watching
Question 9	A. teaches	B. teach	C. teaching	D. taught
Question 10	A. to	B. for	C. with	D. at

D. Writing

I. Choose the sentence which has the same meaning as the original sentence

Question 1 It's 2 o'clock. He called me at 1 o'clock

- A. He call me 1 hour ago.
- B. He called me 1 hour ago.
- C. He is calling me.
- D. He calls me 1 hour.

Question 2 I like playing video games in my free time.

- A. I am not very keen on playing video games in my free time.
- B. I love play video games in my free time.
- C. I really into playing video games in my free time.
- D. I am interested in playing video games in my free time.

Question 3 I never forget my email adress.

- A. I always remember my email adress.
- B. I rarely forget my email address.
- C. I sometimes remember my email address.
- D. I seldoms remember my email address.

Question 4 It is necessary that you are quiet.

- A. You have to be quiet.
- B. You don't have to be quiet.
- C. You must be quiet.
- D. You mustn't be quiet.

Question 5 Don't use Spanish in the English class!

- A. You should talk in English.
- B. You have to talk in English all the time.
- C. You mustn't talk in English all the time.
- D. You must talk in Spanish.

II. Choose the correct sentence from the words/ phrases given

Question 1 half / hour / he / ago / arrived / an / . /

- A. He arrived an hour half ago.
- B. He arrived half an hour ago.
- C. Hour ago he arrived half an.
- D. An hour ago half he arrived

Question 2 I / my/ homework / didn't / played / but / sports / do / I/ yesterday / .
/

- A. I didn't played sports but I do my homework yesterday.
- B. I didn't do my homework but I played sports yesterday.
- C. But I didn't played sports I do my homework yesterday.
- D. Yesterday I didn't do my sport I played my homework.

Question 3 what / you / mean / know / I / do / ? /

- A. What do you mean I know?
- B. What do I know you mean
- C. Do you know what I mean?
- D. Do I know you what mean?

Question 4 I / the / ago / to / match / three / football / went / days / . /

- A. I went to three days ago the football match.
- B. The football match I went to three days ago.
- C. The three days ago I went to match football
- D. I went to the football match three days ago.

Question 5 disagree / but / sorry / I

- A. Sorry but I disagree
- B. But I sorry disagree.
- C. Disagree but I sorry.
- D. I sorry disagree but.

THE END

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Kiểm tra, đánh giá sự hiểu biết, vận dụng kiến thức của học sinh về:
 - + Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên.
 - + Phân chia thực vật thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.
 - + Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.
 - + Đặc điểm nhận biết các nhóm động vật không xương sống (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp), động vật có xương sống (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Sự đa dạng của các nhóm động vật. Gọi được tên một số con vật điển hình. Nêu được một số lợi ích và tác hại của động vật trong đời sống.

2. Kỹ năng:

- Kiểm tra kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng liên quan.
- Kiểm tra kỹ năng so sánh, phân tích.

3. Thái độ:

- HS có thái độ nghiêm túc trong ôn tập và làm bài kiểm tra.

4. Phát triển năng lực:

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề.

II. PHẠM VI ÔN TẬP

Bài 20. Vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên.

Bài 21. Thực hành phân chia các nhóm thực vật.

Bài 22. Đa dạng động vật không xương sống.

Bài 23. Đa dạng động vật có xương sống.

III. NỘI DUNG ÔN TẬP**A. Lý thuyết:****B. Bài tập: Tham khảo một số bài tập sau:**

Câu 1: Trình bày vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên.

Câu 2: Phân chia thực vật thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.

Câu 3: Nêu đặc điểm nhận biết, sự đa dạng của các nhóm động vật. Gọi được tên một số con vật điển hình. Nêu được một số lợi ích và tác hại của động vật trong đời sống.

a, Nhóm động vật không xương sống (Ruột khoang, Giun, Thân mềm, Chân khớp).

b, Nhóm động vật có xương sống (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú).

Bài tập trắc nghiệm:

Em hãy ghi ra vở bài tập chữ cái đứng trước phương án đúng mà em chọn.

Câu 1. Lá của cây nào được sử dụng làm thức ăn cho con người ?

A. Lá mồng tơi.

B. Lá chuối.

C. Lá khoai tây.

D. Lá xà cừ.

Câu 2. Hoạt động nào của cây xanh giúp bổ sung vào bầu khí quyển lượng khí oxygen mất đi do hô hấp và đốt cháy nhiên liệu ?

A. Trao đổi khoáng.

B. Hô hấp.

C. Quang hợp.

D. Thoát hơi nước.

Câu 3. Cây nào KHÔNG thuộc nhóm cây có mạch dẫn ?

A. Rêu.

B. Bèo tấm.

C. Cà phê.

D. Dương xỉ.

Câu 4. Cho các cây: (1) đinh lăng, (2) cải, (3) mã đề, (4) tam thất, (5) su hào, (6) dừa. Những cây thường được sử dụng làm thuốc là

A. (1), (2), (3).

B. (2), (4), (6).

C. (1), (3), (4).

D. (3), (5), (6).

Câu 5. San hô là động vật không xương sống thuộc ngành nào ?

A. Giun tròn.

B. Ruột khoang.

C. Chân khớp.

D. Thân mềm.

Câu 6. Có thể dựa vào đặc điểm nào để phân biệt nhóm Động vật không xương sống và Động vật có xương sống ?

A. Bộ xương ngoài.

B. Lớp vỏ.

C. Xương cột sống.

D. Vỏ calcium.

Câu 7. Động vật có xương sống bao gồm

A. Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú.

B. Cá, Chân khớp, Bò sát, Chim, Thú.

C. Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Ruột khoang, Thú.

D. Thân mềm, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú.

Câu 8. Nhóm động vật nào thuộc nhóm động vật không xương sống ?

A. Cá.

B. Lưỡng cư.

C. Giun.

D. Thú.

Câu 9. Đặc điểm nào KHÔNG ĐÚNG khi nói về lớp cá ?

- A. Thích nghi với môi trường nước.
- B. Cơ thể hình thoi.
- C. Di chuyển bằng vây.
- D. Hô hấp bằng phổi.

Câu 10. Lưỡng cư sống ở

- A. trên cạn.
- B. dưới nước.
- C. trong cơ thể động vật khác.
- D. vừa ở cạn, vừa ở nước.

----- HẾT -----

MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Học sinh giới thiệu được sự hình thành, đặc điểm của làng rấn Lệ Mật.
- Học sinh giới thiệu được những nét nổi bật của một di tích lịch sử trên địa bàn quận Long Biên.

2. Kỹ năng:

- Biết sắp xếp hợp lý bố cục bài thu hoạch.
- Biết lựa chọn, sắp xếp các ý hợp lý, nêu được cảm xúc của mình.

3. Thái độ:

- Biết giữ gìn và bảo tồn làng nghề truyền thống và di tích lịch sử trên địa bàn quận Long Biên.

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực tư duy, năng lực sáng tạo, năng lực phát triển ngôn ngữ,...

II. PHẠM VI ÔN TẬP

- Chủ đề 6: Làng nghề truyền thống quận Long Biên: làng rấn Lệ Mật.
- Chủ đề 7: Các di tích lịch sử trên quận Long Biên – Đền thờ các anh hùng dân tộc

III. NỘI DUNG ÔN TẬP**A. Bài tập tham khảo:**

Câu 1: Em hãy trình bày sự hình thành của làng nghề rấn Lệ Mật.

Câu 2: Em hãy kể tên những di tích lịch sử trên quận Long Biên mà em biết.

Câu 3: Em hãy giới thiệu một di tích lịch sử ở quận Long Biên.

----- *HẾT* -----

MÔN TOÁN**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:****a. SỐ HỌC :**

- Thu thập, tổ chức, biểu diễn, phân tích và xử lý dữ liệu.
- Biểu đồ kép.
- Mô hình xác suất trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản.
- Xác suất thực nghiệm trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản.
- Phân số với tử và mẫu là các số nguyên.

b. Hình học :

- Bài 1: Điểm, đường thẳng.
- Bài 2: Hai đường thẳng cắt nhau, hai đường thẳng song song.

2. Về kỹ năng:

Củng cố và nâng cao kỹ năng làm bài tập thông qua các dạng bài tập ứng với từng nội dung kiến thức.

3. Về thái độ:

Giáo dục thái độ tích cực, chủ động, tính toán chính xác, cẩn thận và tự giác làm bài.

4. Phát triển năng lực: Năng lực mô hình hóa toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác

II. PHẠM VI ÔN TẬP: Kiến thức tuần 19 đến 23**III. NỘI DUNG ÔN TẬP**

Danh sách 5 đội nhì các bảng giành vé vào vòng loại thứ 3 World Cup 2022 khu vực châu Á và 3 đội bị loại.

TT	Bảng	Đội bóng	Trận	Thắng	Hòa	Bại	Bàn thắng	Bàn bại	Hệ số	Điểm
1	A	Trung Quốc	6	4	1	1	16	3	+13	13

2	E	Oman	6	4	0	2	9	5	+4	12
3	C	Iraq	6	3	2	1	6	3	+3	11
4	G	Việt Nam	6	3	2	1	6	4	+2	11
5	H	Lebanon	6	3	1	2	11	8	+3	10
6	F	Tajikistan	6	3	1	2	7	8	-1	10
7	D	Uzbekistan	6	3	0	3	12	9	+3	9
8	B	Kuwait	6	2	2	2	8	6	+2	8

Câu 1: Nhìn vào bảng thống kê hãy cho biết tại vòng loại World Cup 2022 đội tuyển Việt Nam nằm ở bảng nào?

- A. A. B. G. C. H. D. B.

Câu 2: Ở vòng loại đội tuyển Việt Nam được bao nhiêu điểm?

- A. 11. B. 2. C. 4. D. 6.

Câu 3: Gieo 2 con xúc sắc cân đối và quan sát số chấm xuất hiện ở mặt trên mỗi con xúc sắc, Hãy đánh giá xem sự kiện nào sau là chắc chắn không thể xảy ra

- A. Tổng số chấm xuất hiện trên hai con xúc sắc bằng 1
 B. Tổng số chấm xuất hiện trên hai con xúc sắc lớn hơn 1
 C. Hai mặt con xúc sắc cùng chấm
 D. Số chấm trên hai mặt con xúc sắc là số lẻ

Câu 4: Nếu tung một đồng xu 50 lần liên tiếp, có 24 lần xuất hiện mặt S thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S là:

- A. $\frac{12}{25}$ B. $\frac{13}{25}$ C. $\frac{1}{24}$ D. $\frac{1}{50}$

Câu 5: Nếu tung một đồng xu 40 lần liên tiếp, có 16 lần xuất hiện mặt S thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt N là:

- A. $\frac{2}{5}$ B. $\frac{3}{5}$ C. $\frac{1}{16}$ D. $\frac{1}{40}$

Câu 6: Một hộp có 10 chiếc thẻ được đánh số từ 1 đến 10. Rút ngẫu nhiên một chiếc thẻ từ trong hộp, ghi lại số của thẻ rút được và bỏ lại thẻ đó vào hộp. Sau 25 lần rút thẻ liên tiếp, nhận thấy có 4 lần lấy được thẻ đánh số 6. Xác suất thực nghiệm xuất hiện thẻ đánh số 6 là:

A. $\frac{1}{10}$

B. $\frac{4}{25}$

C. $\frac{6}{25}$

D. $\frac{1}{25}$

Câu 7: Một hộp có 1 quả bóng xanh, 1 quả bóng đỏ, 1 quả bóng vàng; các quả bóng có kích thước và khối lượng như nhau. Mỗi lần bạn Nam lấy ngẫu nhiên một quả bóng trong hộp, ghi lại của màu quả bóng lấy ra và bỏ lại quả bóng đó vào hộp. Sau 20 lần lấy bóng liên tiếp, bạn Nam có kết quả như sau:

Lần lấy bóng	Kết quả	Lần lấy bóng	Kết quả
1	Xuất hiện màu đỏ	11	Xuất hiện màu vàng
2	Xuất hiện màu xanh	12	Xuất hiện màu vàng
3	Xuất hiện màu đỏ	13	Xuất hiện màu xanh
4	Xuất hiện màu vàng	14	Xuất hiện màu xanh
5	Xuất hiện màu đỏ	15	Xuất hiện màu vàng
6	Xuất hiện màu vàng	16	Xuất hiện màu đỏ
7	Xuất hiện màu xanh	17	Xuất hiện màu xanh
8	Xuất hiện màu xanh	18	Xuất hiện màu đỏ
9	Xuất hiện màu đỏ	19	Xuất hiện màu xanh
10	Xuất hiện màu vàng	20	Xuất hiện màu đỏ

Xác suất thực nghiệm xuất hiện màu đỏ trong 20 lần lấy là:

A. $\frac{7}{20}$

B. $\frac{3}{10}$

C. $\frac{20}{7}$

D. $\frac{3}{20}$

Câu 8: Một hộp có 1 quả bóng xanh, 1 quả bóng đỏ, 1 quả bóng vàng; các quả bóng có kích thước và khối lượng như nhau. Mỗi lần bạn Nam lấy ngẫu nhiên một quả bóng trong hộp, ghi lại của màu quả bóng lấy ra và bỏ lại quả bóng đó vào hộp. Sau 20 lần lấy bóng liên tiếp, bạn Nam có kết quả như sau:

Lần lấy bóng	Kết quả	Lần lấy bóng	Kết quả
1	Xuất hiện màu đỏ	11	Xuất hiện màu vàng
2	Xuất hiện màu xanh	12	Xuất hiện màu vàng
3	Xuất hiện màu đỏ	13	Xuất hiện màu xanh
4	Xuất hiện màu vàng	14	Xuất hiện màu xanh
5	Xuất hiện màu đỏ	15	Xuất hiện màu vàng
6	Xuất hiện màu vàng	16	Xuất hiện màu đỏ
7	Xuất hiện màu xanh	17	Xuất hiện màu xanh
8	Xuất hiện màu xanh	18	Xuất hiện màu đỏ
9	Xuất hiện màu đỏ	19	Xuất hiện màu xanh
10	Xuất hiện màu vàng	20	Xuất hiện màu đỏ

Xác suất thực nghiệm xuất hiện màu vàng là

A. $\frac{3}{10}$

B. $\frac{7}{20}$

C. $\frac{3}{20}$

D. $\frac{10}{3}$

Câu 9: Nếu gieo một con xúc xắc 22 lần liên tiếp, có 7 lần xuất hiện mặt 5 chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 5 chấm là:

A. $\frac{7}{22}$

B. $\frac{5}{22}$

C. $\frac{1}{11}$

D. $\frac{5}{7}$

Câu 10: Nếu gieo một con xúc xắc 18 lần liên tiếp, có 3 lần xuất hiện mặt 1 chấm thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 1 chấm là:

A. $\frac{1}{6}$

B. $\frac{1}{18}$

C. 1

D. $\frac{1}{3}$

Câu 11: Nếu gieo một con xúc xắc 32 lần liên tiếp, có 14 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt S là:

A. $\frac{7}{16}$

B. $\frac{9}{16}$

C. $\frac{16}{9}$

D. $\frac{16}{7}$

Câu 12: Một hộp có 1 viên bi màu xanh, 1 viên bi màu đỏ, 1 viên bi màu đen có kích thước như nhau. Lần lượt lấy ngẫu nhiên một viên bi trong hộp, ghi lại kết quả và bỏ lại vào hộp. Sau 20 lần lấy liên tiếp, xác suất thực nghiệm xuất hiện viên bi màu xanh là $\frac{7}{20}$, xác suất thực nghiệm xuất hiện viên bi màu đỏ là $\frac{3}{10}$. Xác suất thực nghiệm xuất hiện viên bi màu đen là:

A. $\frac{7}{20}$

B. $\frac{3}{10}$

C. $\frac{1}{2}$

D. $\frac{1}{20}$

Câu 13: Một hộp có 1 quả bóng xanh, 1 quả bóng đỏ, 1 quả bóng vàng. Bạn Hoa lấy ngẫu nhiên 1 quả bóng trong hộp, ghi lại kết quả và bỏ lại vào hộp. Sau 16 lần lấy liên tiếp thì xác suất thực nghiệm xuất hiện quả bóng màu vàng là $\frac{1}{4}$. Hỏi số lần bạn Hoa lấy được quả bóng vàng trong 16 lần lấy là bao nhiêu?

A. 5 lần

B. 4 lần

C. 6 lần

D. 16 lần

Câu 14 : Một hộp có 4 thẻ bài kích thước như nhau có in chữ , lần lượt là : X, V, T, N. Lấy ngẫu nhiên một thẻ trong hộp , tập hợp các kết quả có thể xảy ra khi lấy ngẫu nhiên một thẻ bài trong hộp là :

A. $(X;V;T;N)$

B. $\{X;V;T;N\}$

C. $\{T;N;T;V\}$

D. $\{X;V;T;T\}$

Câu 15 : Cho một túi kín có chứa một số viên bi màu xanh và đen, có cùng kích thước. Mai, Thuý, Khang, Tùng chơi một trò chơi với luật chơi như sau :

Mỗi người lấy ngẫu nhiên một viên bi từ túi , ghi màu viên bi lấy ra rồi trả lại viên bi vào túi. Mỗi người chơi 10 lần rồi tính số chênh lệch từ bi xanh và bi đen lấy được (số lớn trừ số bé). Người nào có số bi chênh lệch lớn hơn sẽ là người thắng.

Kết quả của Mai và Thuý sau khi lấy 10 lần là :

Mai lấy được 3 bi đen và 7 bi xanh ; Tùng lấy được 4 bi đen và 6 bi xanh ;

Thuý lấy được 6 bi đen và 4 bi xanh ; Khang lấy được 5 bi đen và 5 bi xanh.

Hỏi ai là người thắng?

A. Mai

B. Thuý

C. Tùng

D. Khang

Câu 16 : Kết thúc năm học 2020-2021 học lực của các bạn lớp 6A gồm có loại được thống kê ở bảng sau :

Xếp loại học lực	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu
Số lượng(học sinh)	18	15	7	0

Những học sinh đạt học lực khá và giỏi sẽ được thưởng. Vậy lớp 6 A sẽ có bao nhiêu học sinh được thưởng?

A. 18

B. 23

C. 33

D. 43

Câu 17 : Trường khảo sát môn thể thao yêu thích của các bạn ở trong lớp, thu được kết quả như sau

	Nữ	Nam
Bóng đá	9	36
Cầu lông	25	24
Bơi lội	18	21
Bóng rổ	11	20
Khác	5	7

Môn thể thao được các bạn nam yêu thích nhất là

A. Cầu lông

B. Bơi lội

C. Bóng rổ

D. Bóng đá

Câu 18. Trong hộp có 4 thẻ được đánh số 1, 2, 3, 4 . Thảo lấy ngẫu nhiên 1 thẻ từ hộp, ghi số lại rồi trả lại hộp. Lặp lại hoạt động trên 20 lần, thảo được kết quả như sau :

2	3	2	1	4	4	3	1	3	2
4	1	1	3	2	4	3	2	1	4

Xác suất thực nghiệm của sự kiện Thảo lấy được thẻ ghi số nguyên tố là

A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{15}{20}$ C. $\frac{11}{20}$ D. $\frac{9}{20}$

Câu 19. Gieo một con xúc xắc 6 mặt cân đối sự kiện nào sau đây chắc chắn không thể xảy ra

- A. Mặt xuất hiện số chấm là số nguyên tố
- B. Mặt xuất hiện số chấm chia hết cho 9
- C. Mặt xuất hiện số chấm là số viết được dưới dạng bình phương
- D. Mặt xuất hiện số chấm là số chia hết cho 5

Câu 20: Phân số $\frac{2}{3}$ là phân số tối giản của phân số nào sau đây?

- A. $\frac{140}{200}$
- B. $\frac{130}{210}$
- C. $\frac{180}{270}$
- D. $\frac{150}{300}$

Câu 21: Phân số nào sau đây bằng phân số $\frac{3}{4}$?

- A. $\frac{13}{20}$
- B. $\frac{3}{9}$
- C. $\frac{6}{8}$
- D. $\frac{10}{75}$

Câu 22: Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta một phân số?

- A. $\frac{3}{0}$
- B. $\frac{3,1}{10}$
- C. $\frac{5}{6}$
- D. $\frac{30,8}{2,1}$

Câu 23: Cho đẳng thức $4.10 = 2.5$. Suy ra:

- A. $\frac{4}{5} = \frac{2}{10}$
- B. $\frac{4}{10} = \frac{2}{5}$
- C. $\frac{5}{2} = \frac{4}{10}$
- D. $\frac{4}{2} = \frac{5}{10}$

Câu 24: Tìm khẳng định sai:

- A. $\frac{3}{2} = \frac{15}{10}$
- B. $\frac{-4}{3} = \frac{74}{53}$
- C. $\frac{5}{7} = \frac{-5}{-7}$
- D. $\frac{3}{-5} = \frac{-21}{35}$

Câu 25: Có bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt A và B?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. Vô số đường thẳng

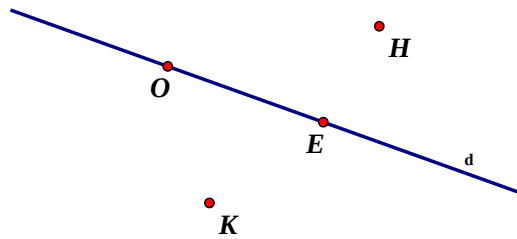
Câu 26: Trên đường thẳng a lấy các điểm A, B, C, D theo thứ tự đó. Lấy điểm $H \notin a$. Với 5 điểm A, B, C, D, H đó ta có bao nhiêu bộ ba điểm không thẳng hàng?

- A. 4
- B. 5
- C. 6
- D. 7

Câu 27: Cho 8 điểm trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Cứ qua hai điểm ta kẻ một đường thẳng. Hỏi kẻ được bao nhiêu đường thẳng qua các điểm nói trên. Hãy chọn câu đúng:

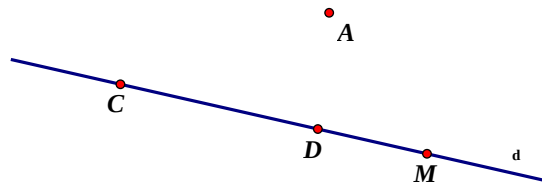
- A. 64
- B. 40
- C. 56
- D. 28

Câu 28: Trong hình vẽ dưới đây, đường thẳng d đi qua điểm nào:



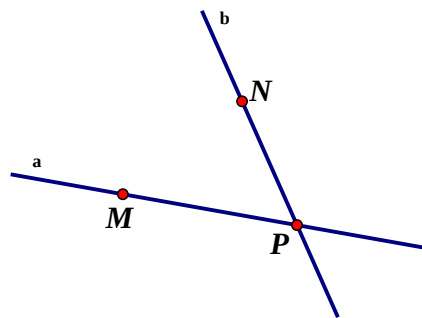
- A. K, O B. K, E C. K, H D. O, E

Câu 29: Trong hình vẽ dưới đây, kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng:



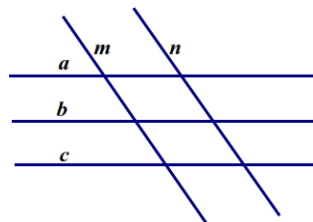
- A. A, M, D B. C, M, A C. A, C, D D. C, D, M

Câu 30: Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định dưới đây?



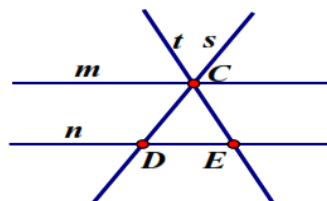
- A. $M \in b$ B. $N \in a$ C. $P \in a$ D. $P \notin b$

Câu 31: Có bao nhiêu cặp đường thẳng song song trong hình vẽ sau:



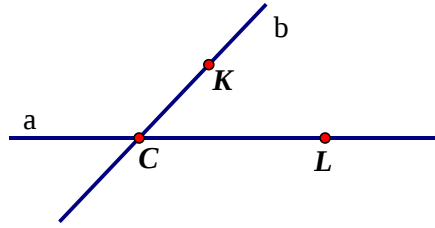
- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 32: Cho hình vẽ, có bao nhiêu đường thẳng cắt nhau tại C?



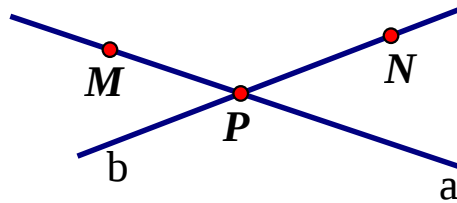
- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 33. Trong hình vẽ dưới đây, điểm C thuộc đường thẳng nào?



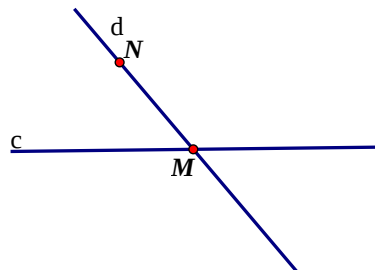
- A. a
- B. b
- C. A, B
- D. a,b

Câu 34. Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định dưới đây?



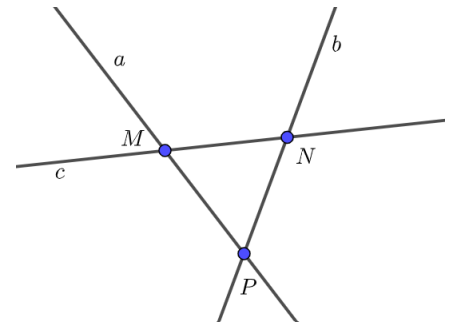
- A. $M \in b$
- B. $N \in a$
- C. $P \in a$
- D. $P \notin b$

Câu 35. Trong hình vẽ dưới đây, đường thẳng nào đi qua hai điểm M và N ?



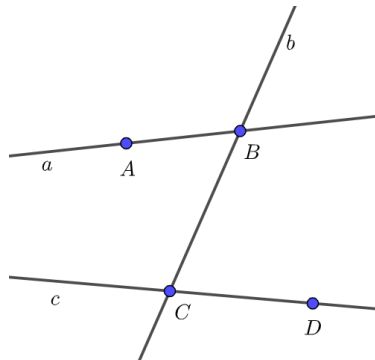
- A. Đường thẳng C.
- B. Đường thẳng d.
- C. Đường thẳng D.
- D. Đường thẳng m.

Câu 36. Cho hình vẽ bên. Những đường thẳng đi qua điểm P là



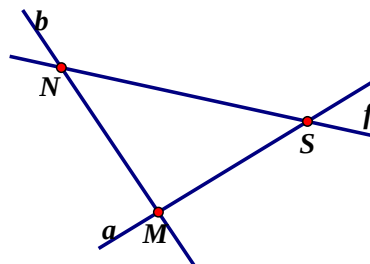
- A. hai đường thẳng a, c .
- B. chỉ có đường thẳng a .
- C. hai đường thẳng a, b .
- D. chỉ có đường thẳng b .

Câu 37. Cho hình vẽ bên. Khẳng định SAI trong những khẳng định dưới đây là



- A. $A \in a$.
- B. $D \notin a$.
- C. $B \in b$.
- D. $C \notin b$.

Câu 38: Những điểm nào thuộc đường thẳng a ?



- A. N, M
- B. M, S

C. N, S

D. N, M, S

Câu 39: Dùng kí hiệu để ghi lại cách diễn đạt sau: “Đường thẳng a chứa điểm M và không chứa điểm P . Điểm O thuộc đường thẳng a và không thuộc đường thẳng b ”

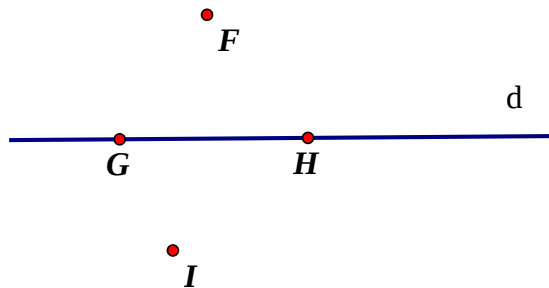
A. $M \in a$; $P \notin a$; $O \in a$; $O \notin b$

B. $M \in a$; $P \notin a$; $O \notin a$; $O \notin b$

C. $M \notin a$; $P \in a$; $O \in a$; $O \notin b$

D. $M \notin a$; $P \notin a$; $O \in a$; $O \in b$

Câu 40. Trong hình vẽ dưới đây, đường thẳng d đi qua điểm nào?



A. F, H

B. G, I

C. G, H

D. F, I

.....*Hết*.....

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 6 (PHÂN MÔN LỊCH SỬ)**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Nhằm kiểm tra những kiến thức:
- + Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc
- + Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc.
- + Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X.

2. Kỹ năng

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh phương pháp dạy và học.
- Đánh giá kiến thức, kỹ năng ở 4 mức độ nhận thức: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao của học sinh sau khi học các nội dung.

3. Thái độ

Giúp học sinh có thái độ học tập nghiêm túc và trung thực, đúng đắn trong kiểm tra.

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề.
- Tái hiện sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- Nhận xét đánh giá, rút ra bài học từ những sự kiện, hiện tượng, vấn đề lịch sử
- Vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử.

II. PHẠM VI ÔN TẬP

Bài 14. Nhà nước Văn Lang-Âu Lạc

Bài 15. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của xã hội Âu Lạc.

Bài 16. Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X.

III. MỘT SỐ BÀI TẬP THAM KHẢO.**I. Bài tập trắc nghiệm:**

Câu 1: Vào khoảng thế kỉ VII TCN, nhà nước nào đã ra đời trên lãnh thổ Việt Nam hiện nay?

- | | |
|--------------|-------------|
| A. Văn Lang. | B. Âu Lạc. |
| C. Chăm-pa. | D. Phù Nam. |

Câu 2: Dưới thời Văn Lang, đứng đầu mỗi bộ là

- | | |
|---------------|---------------|
| A. Quan lang. | B. Lạc tướng. |
| C. Lạc hầu. | D. Bô chính. |

Câu 3: Hoạt động sản xuất chính của cư dân Văn Lang là gì?

- | | |
|----------------------|--------------------|
| A. Săn bắt thú rừng. | B. Trồng lúa nước. |
| C. Đúc đồng. | D. Làm đồ gốm |

Câu 4: Ý nào sau đây không phản ánh đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang?

- A. Lúa gạo là lương thực chính.
- B. Ở nhà sàn, nhuộm răng đen, ăn trầu.
- C. Thờ cúng tổ tiên và sùng bái tự nhiên.
- D. Có chữ viết trên cơ sở sáng tạo chữ Phạn.

Câu 5: Ai đã lãnh đạo nhân dân Âu Việt và Lạc Việt kháng chiến chống quân Tần xâm lược?

- A. Hùng Vương. B. Thục Phán.
C. Hai Bà Trưng. D. Bà Triệu.

Câu 6: Sau khi lên ngôi, An Dương Vương đã dời đô về

- A. Phong Châu (Phú Thọ). B. Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội).
C. Phú Xuân (Huế). D. Hoa Lư (Ninh Bình).

Câu 7: Địa danh nào dưới đây không phải là trị sở của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc?

- A. Thành Cổ Loa B. Thành Luy Lâu
C. Thành Tống Bình D. Thành Đại La

Câu 8: Nghề thủ công mới nào xuất hiện ở nước ta trong thời kì Bắc thuộc?

- A. Nghề rèn sắt B. Nghề đúc đồng
C. Nghề làm giấy D. Nghề làm gốm

Câu 9: Ý nào dưới đây không thể hiện đúng chính sách cai trị về kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc?

- A. Chiếm ruộng đất của Âu Lạc lập thành ấp, trại.
B. Áp đặt chính sách tô, thuế nặng nề.
C. Cho phép nhân dân bản địa sản xuất muối và sắt.
D. Bắt nhân dân ta cống nạp các sản vật quý trên rừng dưới biển.

Câu 10: Mùa xuân năm 40 đã diễn ra sự kiện quan trọng gì trong lịch sử Việt Nam?

- A. Hai Bà Trưng kháng chiến chống quân Hán xâm lược.
B. Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa.
C. Bà Triệu dựng cờ khởi nghĩa.
D. Lý Bí dựng cờ khởi nghĩa.

II. Bài tập tự luận:

Câu 1: Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang? Sự ra đời của nhà nước này có ý nghĩa như thế nào trong lịch sử Việt Nam?

Câu 2: Trình bày nét chính về nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?

----- HẾT -----

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 6 (PHÂN MÔN ĐỊA LÝ)**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Ôn tập, củng cố những kiến thức:
- + Nhiệt độ không khí. Mây và mưa
- + Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu

2. Kỹ năng: Tính toán, nhận xét, giải thích**3. Thái độ**

Giúp học sinh có thái độ học tập nghiêm túc

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề.
- Vận dụng, liên hệ thực tế

II. PHẠM VI ÔN TẬP

Bài 16. Nhiệt độ không khí. Mây và mưa

Bài 17. Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu

III. NỘI DUNG ÔN TẬP**A. Lý thuyết:****B. Bài tập: Tham khảo một số bài tập sau:****I. Bài tập trắc nghiệm:**

Câu 1. Không khí trên mặt đất nóng nhất là vào

- A. 11 giờ trưa.
- B. 14 giờ trưa.
- C. 12 giờ trưa.
- D. 13 giờ trưa.

Câu 2. Dụng cụ nào sau đây được dùng đo độ ẩm không khí?

- A. Ẩm kế.
- B. Áp kế.
- C. Nhiệt kế.
- D. Vũ kế.

Câu 3. Để đo nhiệt độ không khí người ta dùng dụng cụ nào sau đây?

- A. Áp kế.
- B. Nhiệt kế.
- C. Vũ kế.
- D. Ẩm kế.

Câu 4. Nhiệt độ trung bình ngày là kết quả tổng cộng nhiệt độ 4 lần trong ngày vào các thời điểm:

- A. 2 giờ, 8 giờ, 15 giờ, 21 giờ.
- B. 3 giờ, 9 giờ, 12 giờ, 19 giờ.
- C. 1 giờ, 6 giờ, 14 giờ, 20 giờ.
- D. 1 giờ, 7 giờ, 13 giờ, 19 giờ.

Câu 5. Nguồn cung cấp hơi nước chính cho khí quyển là:

- A. sinh vật.
- B. biển và đại dương.
- C. sông ngòi.
- D. ao, hồ.

Câu 6. Càng lên vĩ độ cao nhiệt độ không khí càng

- A. tăng.
- B. không đổi.
- C. giảm.
- D. biến động.

Câu 7. Nguồn cung cấp ánh sáng và nhiệt cho Trái Đất là

- A. con người đốt nóng.
- B. ánh sáng từ Mặt Trời.
- C. các hoạt động công nghiệp.
- D. sự đốt nóng của Sao Hỏa.

Câu 8. Vùng Xích đạo có mưa nhiều nhất trên thế giới là do:

- A. dòng biển nóng, áp cao chí tuyến.
- B. nhiệt độ thấp, độ ẩm và đại dương.
- C. nhiệt độ cao, áp thấp xích đạo.
- D. áp thấp ôn đới, độ ẩm và dòng biển.

Câu 9. Nhận định nào sau đây đúng về sự phân bố lượng mưa không đều trên Trái Đất theo vĩ độ?

- A. Mưa nhiều ở cực và cận cực; mưa nhỏ ở vùng nhiệt đới và xích đạo.
- B. Mưa nhất nhiều ở ôn đới; mưa ít ở vùng cận xích đạo, cực và cận cực.
- C. Mưa rất lớn ở vùng nhiệt đới; không có mưa ở vùng cực và cận cực.
- D. Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo, mưa tương đối ít ở vùng chí tuyến.

Câu 10. Giả sử có một ngày ở thành phố Y, người ta đo được nhiệt độ lúc 1 giờ được 17°C , lúc 5 giờ được 26°C , lúc 13 giờ được 37°C và lúc 19 giờ được 32°C . Vậy nhiệt độ trung bình của ngày hôm đó là bao nhiêu?

- A. 26°C .
- B. 29°C .
- C. 27°C .
- D. 28°C .

II. Bài tập tự luận:

Câu 1: Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG CỦA TRẠM KHÍ TƯỢNG A

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

Tính nhiệt độ trung bình năm của trạm?

Câu 2: Trình bày khái quát đặc điểm các đới khí hậu?

Câu 3: Em hãy nêu một số hoạt động mà bản thân và gia đình em có thể làm để góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu?

----- HẾT -----

MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM – HƯỚNG NGHIỆP**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Nêu và thực hiện được những việc cần làm để thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng.

2. Kỹ năng

- Thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những người có hoàn cảnh khó khăn;
- Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện tại địa phương; biết vận động người thân và bạn bè tham gia các hoạt động thiện nguyện nơi cư trú;
- Thể hiện được hành vi văn hoá nơi công cộng;

3. Thái độ

- Tích cực, tự giác, yêu thương con người.

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực tư duy, năng lực thực hành, năng lực sáng tạo.

II. PHẠM VI ÔN TẬP

Chủ đề 6: Em với cộng đồng

III. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Để thiết lập quan hệ cộng đồng, em cần làm gì?
2. Nêu một số hoạt động thiện nguyện mà em đã tham gia hoặc em đã chứng kiến.
3. Nêu những hành vi có văn hóa ở nơi công cộng mà em đã thực hiện.

----- HẾT -----

MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Kỹ thuật ném bóng

2. Kỹ năng:

- Thực hiện đúng kỹ thuật ném bóng

3. Thái độ:

- Tác phong nhanh nhẹn, tự giác tích cực trong học tập, tính đoàn kết tập thể

4. Phát triển năng lực:

- HS phát huy được tính chủ động, tích cực, phát triển năng lực vận động, tư duy động tác và biết vận dụng vào thực tế để tập luyện trên lớp cũng như ở nhà.

II. PHẠM VI ÔN TẬP

- Nội dung kỹ thuật ném bóng từ tiết 45 đến tiết 48.

III. NỘI DUNG ÔN TẬP**A. Lý thuyết:**

- Các giai đoạn trong kỹ thuật ném bóng.

B. Bài tập:

- Thực hiện kỹ thuật ném bóng.

----- HẾT -----

MÔN TIN HỌC 6**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Kiểm tra đánh giá các kiến thức cơ bản trong chủ đề 4 và chủ đề 5: An toàn thông tin trên Internet, Sơ đồ tư duy, Định dạng văn bản

2. Kỹ năng:

- Kiểm tra đánh giá các kỹ năng trình bày diễn đạt của HS, kỹ năng áp dụng lý thuyết làm bài tập.

3. Thái độ:

- GD thái độ trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ khi làm bài, có ý thức vươn lên trong học tập.

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực tính toán.
- Năng lực thực nghiệm: năng lực đánh giá kết quả và giải quyết vấn đề.

II. PHẠM VI ÔN TẬP:

- Bài 9: An toàn thông tin trên Internet
- Bài 10: Sơ đồ tư duy
- Bài 11: Định dạng văn bản (Phần 1, 2)

III. NỘI DUNG ÔN TẬP**A. Lý thuyết:**

1. Tác hại và nguy cơ khi dùng Internet?
2. Kể tên các quy tắc an toàn khi sử dụng Internet?
3. Trình bày một số biện pháp bảo vệ thông tin, tài khoản cá nhân và chia sẻ thông tin an toàn?
4. Sơ đồ tư duy là gì? Các bước để tạo sơ đồ tư duy?
5. Trình bày chức năng cơ bản của phần mềm soạn thảo văn bản?

B. Bài tập:

1. Xem lại các bài tập trắc nghiệm từ bài 9 đến bài 11 trong SBT Tin Học 6.

2. Tham khảo thêm một số dạng bài tập sau:

Câu 1. Em nên sử dụng webcam khi nào?

- A. Không bao giờ sử dụng webcam.
- B. Khi nói chuyện với những người em biết trong thế giới thực như bạn học, người thân,...
- C. Khi nói chuyện với những người em chỉ biết qua mạng.
- D. Khi nói chuyện với bất kì ai.

Câu 2. Lời khuyên nào **sai** khi em muốn bảo vệ máy tính và thông tin trong máy tính của mình?

- A. Đừng bao giờ mở thư điện tử và mở tệp đính kèm thư từ những người không quen biết.
- B. Luôn nhớ đăng xuất khi sử dụng xong máy tính, thư điện tử.
- C. Chẳng cần làm gì vì máy tính đã được cài đặt sẵn các thiết bị bảo vệ từ nhà sản xuất.

D. Nên cài đặt phần mềm bảo vệ máy tính khỏi virus và thường xuyên cập nhật phần mềm bảo vệ.

Câu 3. Sau khi vẽ xong sơ đồ tư duy trên phần mềm em chọn lệnh nào để lưu?

- A. File/New
- B. File/Open
- C. File/Save
- D. File/Close

Câu 4. Đây là phần mềm vẽ sơ đồ tư duy?

- A. Excel
- B. Microsoft
- C. Paint
- D. Mindmaple Lite

Câu 5. Nhược điểm của việc tạo sơ đồ tư duy theo cách thủ công là gì?

- A. Khó sắp xếp, bố trí nội dung.
- B. Hạn chế khả năng sáng tạo.
- C. Không linh hoạt để có thể làm ở bất cứ đâu, đòi hỏi công cụ khó tìm kiếm.
- D. Không dễ dàng trong việc mở rộng, sửa chữa và chia sẻ cho nhiều người.

Câu 6. Phát biểu nào **không phải** là ưu điểm của việc tạo sơ đồ tư duy bằng phần mềm máy tính?

- A. Có thể sắp xếp, bố trí với không gian mở rộng, dễ dàng sửa chữa, thêm bớt nội dung.
- B. Có thể chia sẻ được cho nhiều người.
- C. Có thể làm ở bất cứ đâu, không cần công cụ hỗ trợ.
- D. Có thể kết hợp và chia sẻ để sử dụng cho các phần mềm máy tính khác.

Câu 7. Thao tác nào không phải là thao tác định dạng văn bản?

- A. Thay đổi kiểu chữ thành chữ nghiêng.
- B. Chọn chữ màu xanh.
- C. Căn giữa đoạn văn bản.
- D. Thêm hình ảnh vào văn bản.

Câu 8. Việc phải làm đầu tiên khi muốn thiết lập định dạng cho một đoạn văn bản là:

- A. Vào thẻ **Home**, chọn nhóm lệnh **Paragraph**.
- B. Cần phải chọn toàn bộ đoạn văn bản.
- C. Đưa con trỏ soạn thảo vào vị trí bất kì trong đoạn văn bản.
- D. Nhấn phím **Enter**.

Câu 9. Các phần văn bản được phân cách nhau bởi dấu ngắt đoạn được gọi là:

- A. Dòng
- B. Trang
- C. Đoạn
- D. Câu

Câu 10. Để đặt hướng cho trang văn bản, trên thẻ **Page Layout** vào nhóm lệnh **Page Setup** sử dụng lệnh:

- A. **Orientation**
- B. **Size**
- C. **Margins**
- D. **Columns**

----- HẾT -----

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Kiểm tra, đánh giá được mức độ tiếp thu các đơn vị kiến thức đã học của học sinh; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình (Nội dung về Ứng phó với các tình huống nguy hiểm; Tiết kiệm)

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống. Từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

2. Kỹ năng

- Rèn luyện được kĩ năng khi xem xét, đánh giá được các hành vi và chuẩn mực đạo đức của bản thân, của người khác,

- *Tư duy phê phán*: Đánh giá, phê phán được những hành vi đúng và chưa đúng về cách ứng phó với những tình huống nguy hiểm, bất ngờ xảy ra. Đánh giá, phê phán được những hành vi lãng phí, hà tiện. Đồng tình, ủng hộ những hành vi tiết kiệm có ý nghĩa tích cực.

- *Hợp tác, giải quyết vấn đề*: Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm có thêm những kinh nghiệm cho bản thân và giúp đỡ cộng đồng; góp phần lan tỏa giá trị của đức tính tiết kiệm.

3. Thái độ

- HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình.
- Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra cuối kỳ để đạt kết quả cao

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

- Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.

4. Phát triển năng lực:

Năng lực tự học và tự chủ: Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra

Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận biết được những kỹ năng cơ bản để ứng phó với các tình huống nguy hiểm, kỹ năng chi tiêu hợp lý tiết kiệm.

Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân; lập và năng thực hiện kế hoạch hoàn thiện kỹ năng ứng phó với các tình huống nguy hiểm, kỹ năng thực hành tiết kiệm.

II. PHẠM VI ÔN TẬP

Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học trong nửa đầu học kỳ 2 gồm các bài và chủ đề sau

+ Ứng phó với các tình huống nguy hiểm

+ Tiết kiệm.

III. NỘI DUNG ÔN TẬP

A. Lý thuyết:

+ Ứng phó với các tình huống nguy hiểm

+ Tiết kiệm.

B. Bài tập: Tham khảo một số bài tập sau:

I. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1: Những sự việc bất ngờ xảy ra, có nguy cơ đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng, gây thiệt hại về tài sản, môi trường cho bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội được gọi là

A. tình huống sự phạm.

B. tình huống nguy hiểm.

C. tình huống vận động.

D. tình huống phát triển.

Câu 2: Tình huống nguy hiểm từ tự nhiên là những tình huống có nguồn gốc từ những hiện tượng

A. tự nhiên.

B. nhân tạo.

C. đột biến.

D. chủ đích.

Câu 3: Tình huống nguy hiểm từ con người là những mối nguy hiểm bất ngờ, xuất phát từ những hành vi cố ý hoặc vô tình từ

A. con người.

B. tự nhiên.

C. tin tặc.

D. lâm tặc.

Câu 4: Chủ động tìm hiểu, học tập các kỹ năng ứng phó trong mỗi tình huống nguy hiểm sẽ giúp chúng ta bình tĩnh, tự tin để thoát khỏi

A. nguy hiểm

B. người tốt.

C. bản thân.

D. bố mẹ.

Câu 5: Chủ động tìm hiểu, học tập các kỹ năng ứng phó trong mỗi tình huống nguy hiểm sẽ giúp chúng ta có thái độ như thế nào khi ứng phó với tình huống nguy hiểm trong cuộc sống

A. Lo sợ và hoảng loạn

B. Lo sợ và rụt rè.

C. Bình tĩnh và tự tin.

D. Âm thầm chịu đựng.

Câu 6: Xét về nguồn gốc phát sinh thì tình huống nguy hiểm được chia thành hai loại đó là tình huống nguy hiểm từ

A. tự nhiên và con người.

B. kinh tế và xã hội.

C. nhân tạo và đột biến.

D. môi trường và mạng xã hội

Câu 7: Tiết kiệm là sử dụng một cách hợp lý, đúng mức

A. của cải vật chất.

B. các truyền thống tốt đẹp.

C. các tư tưởng bảo thủ

D. lối sống thực dụng.

Câu 8: Tiết kiệm là sử dụng một cách hợp lý, đúng mức

- | | |
|-------------------------|------------------------------|
| A. thời gian, tiền bạc. | B. các truyền thống tốt đẹp. |
| C. các tư tưởng bảo thủ | D. lối sống thực dụng. |

Câu 9: Đối lập với tiết kiệm là

- | | |
|----------------------|----------------------------|
| A. xa hoa, lãng phí. | B. cần cù, chăm chỉ. |
| C. cầu thả, hời hợt. | D. trung thực, thẳng thắn. |

Câu 10: Tiết kiệm sẽ giúp chúng ta

- | | |
|---------------------------|----------------------------|
| A. làm giàu cho bản thân. | B. sống có ích. |
| C. yêu đời hơn | D. tự tin trong công việc. |

Câu 11: Ngoài việc tiết kiệm về tiền của, theo em chúng ta cần tiết kiệm yếu tố nào dưới đây?

- | | | | |
|---------------|--------------|-------------|-------------|
| A. Nhân phẩm. | B. Sức khỏe. | C. Lời nói. | D. Danh dự. |
|---------------|--------------|-------------|-------------|

Câu 12: Hiện tượng nào dưới đây được coi là tình huống nguy hiểm từ tự nhiên?

- | | | | |
|--------------|----------------------|-------------------|----------------------|
| A. Sóng thần | B. xúc tiến du lịch. | C. Cứu hộ ngư dân | D. Khắc phục sạt lở. |
|--------------|----------------------|-------------------|----------------------|

Câu 18: Hiện tượng nào dưới đây được coi là tình huống nguy hiểm từ tự nhiên?

- | | |
|-----------------------|------------------------|
| A. Cảnh báo sóng thần | B. Lũ ống, sạt lở đất. |
| C. Cảnh báo sạt lở. | D. Thủy điện xả nước |

Câu 13: Hiện tượng nào dưới đây được coi là tình huống nguy hiểm từ tự nhiên?

- | | |
|---------------------------------------|--|
| A. Hướng dẫn kỹ năng phòng chống sét. | B. Dùng ô đi dưới trời mưa, giông sét. |
| C. Sử dụng ô che nắng khi tới trường. | D. Tụ tập đe dọa bạn cùng trường. |

Câu 14: Tình huống nào là tình huống nguy hiểm từ thiên nhiên gây ra?

- | | |
|---------------------------|--------------------------|
| A. Phòng ngừa sạt lở đất. | B. Khắc phục sạt lở đất. |
| C. Thông báo sạt lở đất. | D. Đúng xem sạt lở đất. |

Câu 15: Câu nói nào dưới đây nói về sự keo kiệt, bủn xỉn?

- | | |
|-------------------------|--------------------------------|
| A. Năng nhặt chặt bị | B. Vung tay quá trán |
| C. Vắt cổ chày ra nước. | D. Kiếm củi 3 năm thiêu 1 giờ. |

II. Bài tập tự luận: Không có bài tập tự luận

----- HẾT -----

MÔN: NGHỆ THUẬT 6 – Âm nhạc**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Ôn tập các nội dung Hát và Tập đọc nhạc.

2. Kỹ năng:

- Hát đúng lời ca, giai điệu, tiết tấu, thể hiện tốt sắc thái, tình cảm.

- Đọc đúng cao độ, trường độ, gõ đúng phách, thể hiện đúng tính chất nhịp.

3. Thái độ:

- HS có ý thức, nghiêm túc học tập đối với các phân môn của môn học.

4. Phát triển năng lực:

- Hoạt động, hiểu biết, cảm thụ, sáng tạo và ứng dụng âm nhạc.

II. PHẠM VI ÔN TẬP:

- Từ tiết 19 đến tiết 24.

III. NỘI DUNG ÔN TẬP**A. Lý thuyết: (Không)****B. Bài tập:****I. Bài tập trắc nghiệm: (Không)****II. Bài tập tự luận: (Không)****III. Bài tập thực hành:****1. Nội dung Hát:**

- Mùa xuân em tới trường

- Lá thuyền ước mơ

2. Tập đọc nhạc: TĐN số 5-6

----- HẾT -----

MÔN: NGHỆ THUẬT 6 – Mỹ thuật**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Biết cách tạo 1 sản phẩm

2. Kỹ năng

- Tạo được sản phẩm đúng nội dung bài học đã cho.

3. Thái độ

- Học sinh thêm yêu quý những đồ vật, ... và biết vận dụng những kiến thức trang trí vào cuộc sống.

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực tư duy, năng lực thực hành, năng lực sáng tạo.

II. PHẠM VI ÔN TẬP

- Ôn tập tại lớp, tại nhà.

III. NỘI DUNG ÔN TẬP

- Túi đựng quà tặng
- Sản phẩm đã qua sử dụng
- Mô hình ngôi nhà 3D
- ...

MÔN CÔNG NGHỆ**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang
- Kể được tên và công dụng một số đồ dùng điện trong gia đình
- Nêu được cách lựa chọn và một số lưu ý khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình an toàn và tiết kiệm

2. Kỹ năng

- Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng
- Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân
- Kể được tên và công dụng một số đồ dùng điện trong gia đình
- Nêu được cách lựa chọn và một số lưu ý khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình an toàn và tiết kiệm

3. Thái độ

- HS có thái độ nghiêm túc trong ôn tập

4. Phát triển năng lực:

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề

II. PHẠM VI ÔN TẬP

- Chương 3: Trang phục và thời trang
- Chương 4: Đồ dùng điện trong gia đình

III. NỘI DUNG ÔN TẬP**A. Lý thuyết:**

Ôn tập lại kiến thức đã học: Từ bài 7 đến bài 10, SGK Công nghệ 6

B. Bài tập: Tham khảo một số bài tập sau:**I. Bài tập trắc nghiệm:****Câu 1. Lựa chọn trang phục cần dựa trên**

- A. Lứa tuổi B. Mục đích sử dụng
C. Sở thích cá nhân D. Tất cả đáp án trên

Câu 2. Đặc điểm nào của trang phục sau đây tạo cảm giác gây đi, cao lên?

- A. Vải mềm mỏng, mịn
B. Kiểu thùng, có đường nét chính ngang thân áo, tay bông có bèo
C. Màu sáng

D. Kẻ ngang, kẻ ô vuông, hoa to

Câu 3. Trang phục có đặc điểm nào sau đây được dùng cho lễ hội?

A. Có kiểu dáng đơn giản, gọn gàng, dễ mặc, dễ hoạt động; có màu sắc hài hoà; thường được may từ vải sợi pha

B. Có kiểu dáng đơn giản, rộng, dễ hoạt động; có màu sắc sẫm màu; thường được may từ vải sợi bông

C. Có kiểu dáng đẹp, trang trọng; có thể là trang phục truyền thống, tùy thuộc vào tính chất lễ hội

D. Có kiểu dáng đơn giản, thoải mái; thường được may từ vải sợi thiên nhiên

Câu 4. Bảo quản trang phục gồm những công việc nào sau đây?

A. Làm khô, làm phẳng, cất giữ

B. Làm sạch, làm khô, cất giữ

C. Làm sạch, làm khô, làm phẳng, cất giữ

D. Làm sạch, làm khô, làm phẳng

Câu 5. Phương pháp làm sạch là

A. Giặt khô

B. Giặt ẩm

C. Giặt ướt

D. Đáp án A và C

Câu 6. Kí hiệu như hình bên cho biết nội dung gì?

A. Chỉ giặt bằng tay

B. Không được giặt

C. Làm sạch tay trước khi giặt

D. Không được giặt nước nóng



Câu 7. Phong cách nào dưới đây phù hợp với nhiều người, thường được sử dụng khi đi học, đi làm, tham gia các sự kiện có tính chất trang trọng?

A. Phong cách thể thao

B. Phong cách lãng mạn

C. Phong cách cổ điển

D. Phong cách dân gian

Câu 8. Nội dung nào sau không đúng về phong cách thể thao?

A. Thiết kế đơn giản, tạo sự thoải mái khi vận động

B. Đường nét tạo cảm giác mạnh mẽ và khỏe khoắn

C. Chỉ sử dụng cho nam giới

D. Có thể ứng dụng cho nhiều lứa tuổi khác nhau

Câu 9. Đại lượng nào dưới đây là thông số kĩ thuật chung của đồ dùng điện trong gia đình?

A. Điện áp định mức

B. Công suất định mức

C. Dung tích

D. Tất cả đáp án trên

Câu 10. Hành động nào sau đây an toàn với đồ dùng điện khi sử dụng?

- A. Cắm chung nhiều đồ dùng điện trên cùng một ổ cắm
- B. Đặt đồ dùng điện ở nơi ẩm ướt
- C. Vận hành đồ dùng điện theo đúng quy trình hướng dẫn
- D. Không ngắt điện khi vệ sinh đồ dùng điện

II. Bài tập tự luận

Câu 1. a, Nêu các đặc điểm của trang phục và hiệu ứng thẩm mỹ tương ứng của chúng?
Cách sử dụng trang phục như thế nào?

b, Bảo quản trang phục gồm các bước nào? Nêu các phương pháp làm sạch quần áo? Lập bảng giải thích ý nghĩa một số kí hiệu giặt, là ghi trên nhãn quần áo mà em đã học?

Câu 2. Em hãy nêu một số phong cách thời trang đã học và chỉ rõ đặc điểm mỗi phong cách thời trang đó?

Câu 3. a. Các đại lượng điện định mức chung và riêng của đồ dùng điện thông thường gồm những đại lượng nào? Chúng có đơn vị là gì?

b. Những điều cần lưu ý để an toàn khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình (an toàn đối với người sử dụng, an toàn đối với đồ dùng điện) là gì?

----- *HẾT* -----

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hải Vân